

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA QUAN HỆ VIỆT - TRUNG QUA CÁC CHUYẾN THĂM CẤP CAO

NGUYỄN PHƯƠNG HOA*

Ngày 5-11-1991, đoàn đại biểu cấp cao nước ta do Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt dẫn đầu sang thăm Trung Quốc đánh dấu chính thức bình thường hoá quan hệ hai nước. Từ đó trở đi, gặp gỡ cấp cao hàng năm đã trở thành truyền thống của lãnh đạo hai nước. Thông qua các chuyến thăm này, quan hệ Việt - Trung đã không ngừng được củng cố và phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, từ đó tạo cơ sở và thúc đẩy các mối quan hệ khác phát triển, đồng thời cũng góp phần giải quyết nhanh chóng các vấn đề tồn tại. Bài viết này điểm lại các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo hai nước trong 15 năm qua và ý nghĩa của nó đối với chặng đường phát triển của quan hệ hai nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế cũng như giải quyết các vấn đề còn tồn tại.

I. ĐIỂM LẠI CÁC CHUYẾN THĂM CẤP CAO CỦA LÃNH ĐẠO HAI NƯỚC TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2006

Kể từ năm 1991 cho đến nay, Tổng Bí thư của hai Đảng đã 11 lần thăm viếng lẫn nhau, trong đó Tổng Bí thư ĐCS Trung Quốc thăm Việt Nam 4 lần vào các năm 1994, 2002, 2005 và 2006, Tổng Bí thư Việt Nam thăm Trung Quốc 7 lần vào các năm 1991, 1995, 1997, 1999,

2001, 2003 và 2006. Năm 2006 là năm Tổng Bí thư hai nước cùng sang thăm lẫn nhau. Chuyến thăm Trung Quốc tháng 8-2006 của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh là chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của ông kể từ khi được Đại hội X bầu lại giữ cương vị người lãnh đạo cao nhất của Đảng ta. Chuyến thăm Việt Nam từ ngày 15-17/11 vừa qua của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào là chuyến thăm Việt Nam lần thứ 4 và là lần thứ 2 trên cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Điều này một lần nữa khẳng định, hai Đảng và hai nước hết sức coi trọng và quyết tâm thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện theo phương châm 16 chữ và tinh thần 4 tốt.

Trong 15 năm qua, Chủ tịch nước của hai nước đã 7 lần thăm viếng lẫn nhau, trong đó, Chủ tịch nước ta thăm Trung Quốc 4 lần vào các năm 1993, 2000, 2003 và 2005, còn Chủ tịch nước CHND Trung Hoa thăm nước ta 4 lần vào các năm 1994, 2002, 2005 và 2006.

Thủ tướng hai nước đã 7 lần thăm viếng lẫn nhau, trong đó Thủ tướng Việt Nam thăm Trung Quốc 4 lần vào các năm 1991, 1998, 2000 và 2004, còn Thủ tướng Trung Quốc thăm Việt Nam 3 lần vào các năm 1992, 1999 và 2004.

* Thạc sỹ. Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

Các chuyến thăm cấp cao thường xuyên của lãnh đạo hai nước, đặc biệt là từ năm 2004 đến nay đã trở thành những sự kiện hiếm thấy trong lịch sử quan hệ của hai nước và cũng hiếm thấy trong lịch sử ngoại giao của mỗi nước với các nước khác.

Ngoài các chuyến thăm hữu nghị chính thức, lãnh đạo hai nước còn thường xuyên gặp gỡ nhau bên lề các hội nghị như Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ gặp Thủ tướng nước ta tại Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu lần thứ 4 tại Đan Mạch vào tháng 9-2002, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào gặp Thủ tướng Phan Văn Khải tại hội nghị APEC tại Băng Cốc tháng 10-2003. Tháng 10 vừa qua, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tham dự Hội nghị cấp cao ASEAN – Trung Quốc kỷ niệm 15 năm quan hệ đối thoại giữa ASEAN với Trung Quốc tại Nam Ninh – Quảng Tây và có cuộc hội đàm với Thủ tướng Ôn Gia Bảo.

Qua các chuyến thăm, hai bên đã ra 4 Tuyên bố chung (năm 1999 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, năm 2000 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, năm 2005 và năm 2006 nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào) và 5 Thông cáo chung (năm 1991 nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt, năm 1992 nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Bằng, năm 1994 nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân, năm 1995 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Đỗ Mười, năm 2005 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức

Lương). Năm 2006 nhân chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh hai bên đã ra Thông cáo Báo chí chung. Những Tuyên bố chung và Thông cáo chung này đánh dấu thành công của các chuyến viếng thăm lẫn nhau giữa lãnh đạo cấp cao hai nước.

Những chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo hai nước đã có tác dụng không thể thay thế đối với việc phát triển quan hệ hai Đảng, hai nước, từng bước đưa quan hệ hai nước phát triển sâu sắc, toàn diện, phù hợp với tình hình cũng như yêu cầu của mỗi nước. Các chuyến thăm này đã tăng cường mối quan hệ láng giềng hữu nghị, tạo dựng lòng tin và sự tin cậy lẫn nhau, kịp thời trao đổi, tháo gỡ những vướng mắc tồn tại cũ và vấn đề mới nảy sinh trong quan hệ hai nước.

II. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA QUAN HỆ VIỆT - TRUNG THÔNG QUA CÁC CHUYẾN THĂM

1. Về phát triển quan hệ hai nước, hai Đảng

Về quan hệ hai nước, từ khi lãnh đạo hai nước nhất trí “khép lại quá khứ, mở ra tương lai”, chấm dứt tình trạng đối kháng, xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị, quan hệ hai nước đã từng bước phát triển phù hợp với lợi ích của từng nước cũng như với tình hình chung của thế giới. Thông qua các chuyến thăm, lãnh đạo hai nước vừa củng cố quan hệ, xây dựng lòng tin, vừa đưa ra các phương hướng, biện pháp để thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển. Với việc đưa ra phương châm chỉ đạo phát triển quan hệ giữa hai nước bằng 16 chữ: “*Phương hướng rõ ràng, xúc tiến từng bước, chú trọng đại thể, bàn bạc thân*

thiện”, chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam đầu tiên của Tổng Bí thư ĐCS Trung Quốc Giang Trạch Dân vào tháng 11-1994 đã “đưa quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc lên trình độ cao hơn và với phạm vi rộng hơn”⁽¹⁾. Sau khi củng cố quan hệ, tạo dựng lòng tin, trước thềm thế kỷ mới, lãnh đạo hai nước đã xác định khuôn khổ mới cho quan hệ hai nước trong thế kỷ mới bằng 16 chữ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” nhân chuyến thăm Trung Quốc năm 1999 của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu. Mười sáu chữ này đã trở thành phương châm phát triển quan hệ hai nước từ đó đến nay.

Để đưa quan hệ hai nước phát triển theo chiều sâu, trong chuyến thăm Trung Quốc sau thành công tốt đẹp của Đại hội IX ĐCS Việt Nam, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã cùng thảo luận với Tổng Bí thư Giang Trạch Dân về nội hàm phong phú của phương châm 16 chữ. Nhân chuyến thăm Việt Nam năm 2002 của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân, lãnh đạo hai nước nhất trí cho rằng, hai nước và nhân dân hai nước cần phải là *láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt, tin cậy lẫn nhau, thông cảm và nhân nhượng lẫn nhau, cùng nhau phát triển*. Đây chính là những biện pháp để thực hiện phương châm 16 chữ mà hai Tổng Bí thư đã nêu lên vào năm 1999.

Thông qua các chuyến thăm cấp cao năm 2005, lãnh đạo hai nước ngoài việc tỏ rõ sự đồng thuận trong việc phát huy những kết quả đã đạt được, đưa quan hệ Việt - Trung phát triển một cách toàn diện hơn, có chiều sâu hơn, còn đề cập nhiều tới xây dựng mối quan hệ tin cậy và bền vững, nhất trí “áp dụng các biện

pháp có hiệu quả, làm sâu sắc và triển khai toàn diện quan hệ hai Đảng, hai nước...” (Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 2005). Đây là nét mới đánh dấu bước phát triển của quan hệ Việt - Trung trong thời gian gần đây. Và đến chuyến thăm của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh vào tháng 8-2006, hai bên khẳng định một cách rõ ràng, cụ thể: “Để tăng cường tin cậy lẫn nhau, mở rộng giao lưu, đi sâu hợp tác, cùng nhau phát triển, hai bên sẽ tuân thủ phương châm ‘láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai’ và tinh thần ‘láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt’...”⁽²⁾

Về quan hệ hai Đảng, các cuộc tiếp xúc cấp cao Việt - Trung diễn ra thường xuyên đã tăng thêm sự hiểu biết, có ý nghĩa chỉ đạo đối với sự phát triển của quan hệ song phương, đồng thời cũng có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc phát triển quan hệ giữa hai Đảng.

Thông qua các chuyến thăm, quan hệ giữa hai Đảng đã có bước phát triển thực chất. Trao đổi trong lĩnh vực lý luận, trao đổi kinh nghiệm quản lý đất nước, xây dựng Đảng là một điểm nổi bật, đánh dấu bước phát triển mới của hai Đảng trong thời gian qua, đồng thời cũng thể hiện, quan hệ giữa hai Đảng không chỉ mang yếu tố hữu nghị mà yếu tố hợp tác cũng ngày càng trở nên rõ nét.

Trong cuộc gặp gỡ vào năm 1991, lãnh đạo cao nhất của hai Đảng nhất trí sẽ khôi phục quan hệ bình thường theo 4 nguyên tắc và các cuộc gặp gỡ sau này, Thông cáo chung các năm 1992, 1994 và 1995 mới chỉ nhắc đến việc “trao đổi kinh nghiệm về đổi mới, mở cửa, lãnh đạo và quản lý đất nước” và hai bên nhất trí “củng cố và phát triển hơn nữa

quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa hai Đảng, hai nước, phù hợp với lợi ích cơ bản của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước..."⁽³⁾.

Cùng với sự phát triển của quan hệ hai nước cũng như đòi hỏi của thực tiễn, quan hệ giữa hai Đảng ngày càng thiết thực, chặt chẽ hơn. Tăng cường mối quan hệ này, đặc biệt là trao đổi, học hỏi lẫn nhau trong vấn đề lý luận đã được nhấn mạnh trong những chuyến thăm của các lãnh đạo cấp cao hai Đảng sau này. Vấn đề hợp tác giữa hai Đảng trong đó nhấn mạnh tăng cường trao đổi kinh nghiệm, lý luận của hai Đảng được đề cập một cách cụ thể trong chuyến thăm Trung Quốc năm 2001 của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh. Nói về quan hệ hai Đảng, Tuyên bố chung năm 2001 khẳng định *"hai Đảng, hai nước đã trao đổi rộng rãi và sâu sắc về những kinh nghiệm đổi mới, cải cách mở cửa, xây dựng Đảng và quản lý nhà nước, lý luận và thực tiễn xây dựng CNXH"* và *"hai bên quyết tâm, xuất phát từ thực tế của mỗi nước, tiếp tục tìm tòi và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trọng đại trong việc xây dựng Đảng và Nhà nước, thúc đẩy kinh tế phát triển và xã hội tiến bộ"*. Năm 2002, trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân, hai bên nhất trí quan hệ hai nước phải thực hiện 4 tốt, trong đó *"đồng chí tốt"* là nội dung thứ ba; một trong 5 kiến nghị để phát triển toàn diện quan hệ hai nước là cần tăng cường giao lưu kinh nghiệm về xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước giữa hai Đảng, hai nước. Một trong 5 phương hướng lớn đưa ra trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh vào tháng 4-2003 là tăng cường hợp tác trong lĩnh vực lý luận. Chuyến thăm mới đây của Tổng Bí thư

Nông Đức Mạnh cũng xác định một trong những phương hướng, biện pháp để tăng cường tin cậy lẫn nhau, mở rộng giao lưu, đi sâu hợp tác, cùng nhau phát triển là *đi sâu trao đổi lý luận, trao đổi kinh nghiệm xây dựng và quản lý đất nước*.

Nhằm thực hiện chủ trương tăng cường hợp tác giữa hai Đảng, đặc biệt là hợp tác về lĩnh vực trao đổi lý luận, kinh nghiệm, trong những năm gần đây, hai Đảng, hai nước đã phối hợp tổ chức nhiều cuộc hội thảo lớn nhằm trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, xây dựng CNXH như hội thảo *"Chủ nghĩa xã hội: Tính phổ biến và tính đặc thù"*, hội thảo *"Chủ nghĩa xã hội - Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc"*, hội thảo *"Xây dựng Đảng cầm quyền - Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc"* v.v.... Những hội thảo này đã cung cấp cho hai Đảng những kinh nghiệm phong phú về xây dựng CNXH, xây dựng Đảng, học tập lẫn nhau, cùng nâng cao trình độ lý luận. Nó cũng là sự thể hiện cụ thể, thực chất của hợp tác hai Đảng, của quan hệ *"đồng chí tốt"* như lãnh đạo hai Đảng mong muốn.

Ngoài ra, hai Đảng cũng thường xuyên quan tâm đến những sự kiện chính trị đặc biệt của nhau. Tháng 6-1996, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Bằng dự Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII. Tháng 4-2001, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào sang dự Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX. Trong chuyến thăm Việt Nam năm 2005, Tổng Bí thư, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã phát biểu trước Quốc hội Việt Nam. Với tinh thần đồng chí thân

mật, ông đã chia sẻ với Việt Nam những bài học, kinh nghiệm trong xây dựng Đảng và quản lý đất nước. Chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào vừa qua chính là thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ của Đảng, Chính phủ Trung Quốc đối với Hội nghị APEC mà lần đầu tiên Việt Nam đăng cai. Tất cả những điều này cho thấy quan hệ giữa hai Đảng Việt Nam - Trung Quốc là một mối quan hệ đặc biệt.

2. Về quan hệ kinh tế thương mại

Quan hệ kinh tế thương mại Việt - Trung từng bước phát triển tương xứng với quan hệ chính trị cũng như tiềm năng của mỗi nước. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã luôn quan tâm và đặt ra mục tiêu phấn đấu cho thương mại Việt - Trung. Trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu năm 1999, hai bên nhất trí tìm biện pháp đưa kim ngạch song phương lên ít nhất là 2 tỷ USD vào năm 2000. Chuyến thăm Trung Quốc năm 2000, Thủ tướng Phan Văn Khải đã tập trung thảo luận phương hướng tăng cường quan hệ kinh tế giữa hai nước, tìm biện pháp cụ thể để đẩy nhanh hợp tác kinh tế, thương mại nhằm đạt mục tiêu 2 tỷ USD. Sau đó lãnh đạo hai nước lại nâng mục tiêu đạt 5 tỷ USD kim ngạch thương mại song phương vào năm 2005. Nhân chuyến thăm Trung Quốc 4 năm sau của ông, hai bên lại cam kết nâng kim ngạch thương mại song phương lên 10 tỷ USD vào năm 2010. Năm 2005 và 2006, qua các cuộc gặp gỡ, lãnh đạo hai nước đã đặt ra mục tiêu mới và đưa ra nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại song phương phát triển lành mạnh. Hai bên nhất trí phấn đấu thực

hiện trước thời hạn mục tiêu đưa kim ngạch thương mại hai nước đạt 10 tỷ USD vào năm 2010. Trong chuyến thăm Việt Nam lần này của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào, hai bên nhất trí thực hiện mục tiêu mới nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 15 tỷ USD vào năm 2010.

Trong các chuyến thăm gần đây, hai bên nhất trí không ngừng mở rộng quy mô thương mại, thu hẹp dần sự mất cân đối trong thương mại song phương, đẩy nhanh việc thực hiện các dự án hợp tác đã xác định. Biện pháp thúc đẩy thương mại song phương phát triển cân đối đó là: Trung Quốc cam kết sẵn sàng mở cửa thị trường hơn nữa để hàng hoá của Việt Nam nhất là nông sản, thuỷ sản, thủ công mỹ nghệ có thể vào thị trường Trung Quốc nhiều hơn. Phía Trung Quốc cũng đề cập đến việc khuyến khích các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư tại Việt Nam để sản xuất hàng ở Việt Nam sau đó xuất khẩu sang Trung Quốc hoặc nước thứ ba. Trong chuyến thăm Việt Nam vừa qua, hai bên nhất trí mở rộng hơn nữa quy mô, nâng cao chất lượng và trình độ hợp tác kinh tế thương mại, từng bước cải thiện cơ cấu mậu dịch, thực hiện phát triển cân bằng và tăng trưởng bền vững thương mại hai chiều. Hai bên nhất trí sẽ sớm đề ra phương hướng tổng thể về hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước trong 5-10 năm tới, xác định các lĩnh vực hợp tác trọng điểm. Đây sẽ là cơ sở để quan hệ thương mại song phương ngày càng phát triển.

Tính đến tháng 8-2006, hai nước đã ký 51 hiệp định và gần 30 văn kiện cấp nhà nước, trong đó hơn một nửa liên

quan trực tiếp đến hợp tác kinh tế thương mại, tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy quan hệ buôn bán và hợp tác đầu tư giữa hai nước. Nhân chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào, lãnh đạo hai nước đã chứng kiến lễ ký kết 11 văn kiện hợp tác giữa Chính phủ hai nước và các doanh nghiệp hai nước, trong đó có Hiệp định về phát triển sâu rộng quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa Chính phủ hai nước, ngoài ra còn có 5 dự án mới ký kết trị giá 3,6 tỷ USD.

Trong 15 năm qua, quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước đã có bước phát triển ngoạn mục, với kim ngạch buôn bán hai chiều tăng từ 32,23 triệu USD năm 1991 lên 8,739 tỉ USD năm 2005, trong nửa đầu năm nay đạt 4,46 tỷ USD (tăng 17,32 lần so với cùng kỳ năm ngoái)⁽⁴⁾. Như vậy, trong 15 năm, kim ngạch thương mại song phương đã tăng khoảng 270 lần.

Trong lĩnh vực đầu tư, lần đầu tiên Tuyên bố chung năm 2005 nhấn mạnh đến “*tích cực triển khai đầu tư hai chiều*”. Lãnh đạo hai nước nhất trí tích cực khuyến khích và ủng hộ doanh nghiệp hai bên triển khai hợp tác lâu dài trong các dự án hạ tầng và công nghiệp quan trọng, không ngừng nâng cao trình độ và chất lượng hợp tác. Trong 11 văn kiện vừa ký kết có nhiều văn kiện liên quan đến lĩnh vực đầu tư như Bản thoả thuận khung về hợp tác nguồn vốn đầu tư dự án thuộc “Hai hành lang, một vành đai kinh tế” và các dự án liên quan giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển nhà nước Trung Quốc, Bản ghi nhớ về việc xây dựng nhà máy nhiệt điện than miền Nam giai đoạn 1... Những văn kiện này chính là sự cụ thể hoá quyết tâm phát triển quan

hệ hai nước theo chiều sâu, tin cậy, bền vững của lãnh đạo cấp cao hai nước. Tính đến cuối tháng 10-2006, Trung Quốc có 399 dự án có hiệu lực đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn 834,7 triệu USD.

Mặc dù trong thương mại, trong đầu tư vẫn còn tồn tại một số vấn đề nhưng những thành quả đã đạt được là minh chứng sinh động cho tính đúng đắn của những định hướng về phát triển quan hệ hai nước mà lãnh đạo cấp cao hai nước đã đề ra, cũng là minh chứng cho thấy quan hệ hai nước đang phát triển theo chiều sâu, phù hợp với lợi ích của mỗi nước.

3. Về việc giải quyết vấn đề còn tồn tại giữa hai nước

Biên giới lãnh thổ luôn là vấn đề được quan tâm, đề cập đến trong các cuộc gặp gỡ cấp cao của lãnh đạo hai Đảng, hai nước. Thông qua những cuộc gặp gỡ của lãnh đạo cấp cao, vấn đề này từng bước được giải quyết thoả đáng. Nếu như Thông cáo chung năm 1991 mới chỉ “*đồng ý thông qua thương lượng giải quyết hoà bình các vấn đề lãnh thổ, biên giới... tồn tại giữa hai nước*” thì đến Thông cáo chung năm 1994 đưa ra “*cố gắng sớm giải quyết vấn đề biên giới trên bộ và phân định vịnh Bắc Bộ*” và “*hai bên sẽ bàn bạc kịp thời và giải quyết thoả đáng những bất đồng nảy sinh với thái độ bình tĩnh, xây dựng, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước*”. Cuộc gặp gỡ giữa hai Tổng Bí thư năm 1995 đã đưa ra phương hướng giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ một cách cụ thể hơn là “*với tinh thần lấy đại cục làm trọng, thông cảm và nhân nhượng lẫn nhau,*

công bằng hợp lý, hiệp thương hữu nghị, và căn cứ vào luật pháp quốc tế, tham khảo thực tiễn quốc tế, thông qua đàm phán hoà bình giải quyết thoả đáng những vấn đề biên giới lãnh thổ tồn tại giữa hai nước, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước". Trong chuyến thăm Trung Quốc vào tháng 7 năm 1997 của Tổng Bí thư Đỗ Mười, các nhà lãnh đạo hai nước đã "khẳng định quyết tâm đẩy nhanh quá trình đàm phán nhằm sớm ký Hiệp ước về biên giới trên bộ và phân định Vịnh Bắc Bộ để khi bước sang thế kỷ XXI đã có biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài trên đất liền và Vịnh Bắc Bộ; như vậy có thể hiểu hai vấn đề này có thể giải quyết chậm nhất vào năm 2000"⁽⁵⁾. Trên cơ sở đó, trong chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1999 của Tổng Bí thư Lê Khả phiêu, hai bên đã xác định rõ thời hạn ký hiệp ước: "*Ký kết Hiệp ước về biên giới trên bộ trong năm 1999, giải quyết xong vấn đề phân định vịnh Bắc Bộ trong năm 2000*".

Hiệp ước biên giới trên đất liền ký năm 1999 và Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc Bộ (Hiệp định phân định trên biển đầu tiên của Trung Quốc với các nước láng giềng có tranh chấp trên biển), Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc Bộ ký năm 2000 cũng như việc tiến hành phân giới, cắm mốc ở biên giới đất liền đã cho thấy ý nghĩa vô cùng quan trọng của những định hướng, chỉ đạo trong các cuộc gặp gỡ cấp cao của lãnh đạo hai Đảng, hai nước. Hai trong ba vấn đề tồn tại giữa hai nước được giải quyết, góp phần đưa quan hệ Việt - Trung bước vào thời kỳ phát triển mới. Từ tháng 9-2002, hai bên đang tích cực

triển khai công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới với tổng số 1533 mốc quốc giới trên đường biên giới đất liền dài khoảng 1350 km.

Các cuộc gặp gỡ cấp cao năm 2005, năm 2006 cũng đưa ra mục tiêu cụ thể cho phân giới cắm mốc, đó là hoàn thành cắm mốc và năm 2008, ký văn kiện mới về Quy chế quản lý biên giới chậm nhất vào năm 2008. Hai bên thoả thuận sớm bắt đầu đàm phán về phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ, triển khai tuần tra chung giữa hải quân hai nước ở Vịnh Bắc Bộ. Ngày 18-8-2006, hội đàm vòng 1 của Nhóm công tác liên hiệp về phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc đã diễn ra tại Hà Nội.

Điều đáng nói hơn là, thông qua các cuộc gặp gỡ cấp cao, việc giải quyết vấn đề biên giới trên biển đã có tiến triển mới. Hai bên không chỉ đồng ý tuân thủ tôn chỉ, nguyên tắc của "Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông", tuân theo nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước, đồng ý tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hoà bình, tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài mà hai bên đều chấp nhận được mà Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc năm 2005 lần đầu tiên đưa ra "hai bên sẽ nghiên cứu kỹ vấn đề hợp tác cùng phát triển để tìm được mô hình và khu vực hợp tác cùng phát triển..." Đây chính là điểm mới trong việc giải quyết vấn đề trên biển giữa hai nước và điều này được khẳng định lại trong Thông cáo chung năm 2006.

Những sự kiện như việc ký kết "Thoả thuận ba bên về khảo sát địa chấn biển chung tại khu vực thoả thuận ở Biển Đông" do ba công ty dầu khí Việt Nam

(Petro Việt Nam), Trung Quốc (CNOOC), Philippin (PNOC) vào tháng 3 năm 2005; Tổng công ty dầu khí Việt Nam và Tổng công ty dầu khí ngoài khơi quốc gia Trung Quốc ký thoả thuận khung về hợp tác dầu khí trong khu vực thoả thuận ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ nhân chuyến thăm Việt Nam năm 2005 của Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào; hai bên nối lại hợp tác về thăm dò nguồn lợi thuỷ sản sau hơn 45 năm gián đoạn; việc hai bên ký “Thoả thuận về tuần tra liên hợp trên vùng biển Vịnh Bắc Bộ giữa hải quân hai nước” đã cho thấy nỗ lực của hai bên trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp cũng như hợp tác trên biển.

III. KẾT LUẬN

Có thể thấy, trải qua 15 năm kể từ khi bình thường hoá quan hệ, lãnh đạo hai nước đã từng bước đưa quan hệ láng giềng hữu nghị phát triển đi vào chiều sâu thiết thực: Từ khôi phục và củng cố quan hệ theo tinh thần “khép lại quá khứ, mở ra tương lai” cho đến định ra khuôn khổ hợp tác, tăng cường hiểu biết, tin cậy và đến nay quan hệ hai nước đang phát triển theo hướng lâu dài, bền vững. Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 2005 khẳng định “*quan hệ giữa hai Đảng, hai nước Việt - Trung đã có đà phát triển toàn diện tốt đẹp theo phương châm 16 chữ*”, còn Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc năm 2005 khẳng định hai bên “*áp dụng các biện pháp có hiệu quả làm sâu sắc và triển khai toàn diện quan hệ hai Đảng, hai nước*”. Đến nay, “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” đã trở thành phương châm chỉ đạo phát triển quan hệ hai Đảng, hai nước trong thời kỳ mới. Mãi mãi là “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt” đã trở thành mục tiêu của hai Đảng

hai nước và nhân dân hai nước. Trong đường lối đối ngoại, Đại hội X của Đảng ta đã nhấn mạnh “đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững”. Xu hướng phát triển của quan hệ Việt - Trung chính là biểu hiện sinh động của đường lối này.

Trong chuyến thăm Việt Nam năm 2005, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tiếp tục khẳng định Trung Quốc sẽ kiên định thi hành phương châm ngoại giao với các nước xung quanh là thân thiện với láng giềng, làm đối tác với láng giềng, cũng như chính sách ngoại giao với các nước xung quanh là hoà mục với láng giềng, làm yên với láng giềng và cùng giàu với láng giềng. Trong chuyến thăm Việt Nam năm nay, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã khẳng định hai nước chúng ta “núi liền núi, sông liền sông, văn hoá tương đồng, lý tưởng tương thông, vận mệnh tương quan”. Truyền thống hữu nghị cùng với sự “tương đồng, tương thông, tương quan” nêu trên chính là cơ sở vững chắc đảm bảo cho quan hệ Việt - Trung sẽ tiếp tục phát triển theo chiều hướng tích cực, bền vững trong thời gian tới.

CHÚ THÍCH:

(1) *Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 1994*

(2) *Thông cáo báo chí chung Việt Nam - Trung Quốc năm 2006*

(3) *Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc năm 1995*

(4) *Tăng cường tình hữu nghị, thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Trung Quốc*, Báo Nhân dân ngày 22-8-2006, tr 3.

(5) Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cẩm trả lời phỏng vấn của báo Nhân dân ngày 20-7-1997.